Nội dung bài viết

1. Soạn Unit 1 Speaking lớp 7 bộ sách English Discovery

Soạn Unit 1 Speaking lớp 7 bộ sách English Discovery

Bài 1

1. Look at the cinema programme and say what types of film are on. Which ones would you like to see?

(Nhìn vào phần chương trình chiếu phim và nói những loại phim đang chiếu. Bạn thích xem phim nào?)

I think "The Jungle Book" is an interesting fantasy film. I'd like to see it.

(Tôi nghĩ "Cậu bé rừng xanh" là một bộ phim huyền ảo thú vị. Tôi muốn xem bộ phim đó.)

Nam: So, what's on?

Mai: The Jungle Book. It starts in ten minutes.

Nam: No way! I want to see ZooWorld.

Mai: I don't like it. It's boring.

Nam: Oh, come on, please.

Mai: Oh, OK.

…

Nam: Can I have two tickets for ZooWorld, please?

Tú: Sure, which screening?

Nam: The 6.30.

Tú: I'm sorry, it's sold out … Oh, no, hold on!

There are two seats.

Nam: Great!

Tú: But they're in the front row.

Mai: Nam, I don't want to sit in the front row!

Nam: OK … I'd like two for The Jungle Book at 6.15, please.

Tú: Row seven. Is that OK?

Nam: Yes, thanks. How much are they?

Tú: That's 140,000 VND, please.

Mai: Here you are.

Tú: Thank you. Enjoy the film!

Nam: Yeah, right.

(Nam: Nào, phim gì đang chiếu vậy?

Mai: Cậu bé rừng xanh. Phim sẽ chiếu trong 10 phút nữa.

Nam: Thật á! Tôi muốn xem Thế giới động vật.

Mai: Tôi không thích phim đó. Xem chán lắm.

Nam: Ồ, thôi nào, xin đấy.

Mai: Ồ, OK.

…

Nam: Tôi có thể mua 2 vé phim Thế giới động vật, được không nhỉ?

Tú: Được thôi, suất chiếu nào vậy?

Nam: Suất chiếu 6.30 nhé.

Tú: Tiếc quá, hết vé rồi … Ôi không, từ từ đã! Vẫn còn 2 ghế trống.

Nam: Tuyệt vời!

Tú: Nhưng mà nó ở ghế đâu.

Mai: Nam, tôi không muốn ngồi hàng ghế đâu đâu!

Nam: OK … Tôi muốn mua 2 vé cho phim Cậu bé rừng xanh vào lúc 6h15, cảm ơn.

Tú: Hàng 7. Được không bạn?

Nam: Được chứ, cảm ơn bạn. Của mình hết bao nhiêu tiền vậy?

Tú: Tổng 140.000 ạ.

Mai: Mình gửi tiền nhé.

Tú: Cảm ơn bạn. Chúc bạn xem phim vui vẻ!

Nam: Tuyệt vời.)

No way! *(Không thể nào)* Come on, please! *(Thôi nào)* Hold on! *(Từ từ)*

Phương pháp giải:

Lời giải chi tiết:

There are 6 films on. The Jungle Book (cartoon), Return of the Dead (horror film), ZooWorld (children movies), Crime of the Century (documentary) and Toy Story 6 (children movies).

I'd like to watch Return of the Dead because I love horror films.

Có 6 bộ phim đang chiếu. Cậu bé rừng xanh (phim hoạt hình), Xác sống trở lại (phim kinh dị), Thế giới động vật (phim dành cho trẻ em), Tội ác thế kỉ (phim tài liệu) và Câu chuyện trò chơi 6 (phim dành cho trẻ em).

Bài 2

2. Listen and answer the questions.

(Nghe và trả lời các câu hỏi.)

1. Which film do Nam and Mai go to see?

(Nam và Mai định đi xem phim gì?)

2. What time does it start?

(Mấy giờ phim bắt đầu?)

3. How much is one ticket?

(Giá tiền của một vé xem phim là bao nhiêu?)

Lời giải chi tiết:

1. They go to see "The Jungle Book".

(Họ đi xem phim "Cậu bé rừng xanh")

2. It starts at 6.15.

(Nó bắt đầu vào lúc 6h15.)

3. It costs 70,000 VND per ticket.

(Mỗi vé tốn 70,000 VND.)

Bài 3

3. Complete the dialogue below with one word in each gap. Listen and check.

(Hoàn thành đoạn hội thoại bên dưới với một từ trong mỗi chỗ trống. Nghe và kiểm tra.)

Speaking *(Nói)*	**At the cinema** *(Tại rạp chiếu phim)*
You need to say: *(Bạn cần phải nói)* - What's on? - Can I have two tickets for ZooWorld, please? - I'd like two for The Jungle Book, please. - The 6.15 screening. - How much is that?	

- Here you are.

You need to understand: *(Bạn cần phải hiểu)*

- Which screening?

- I'm sorry, it's sold out.

- There are two seats in the front row.

- Row seven. Is that OK?

- That's 140,000 VND, please.

Kim: Can I have two (1) **tickets** for The Jungle Book, please?

Tú: Which (2)_____?

Kim: The 8.15 screening.

Tú: Here you are … Two tickets in (3)_____ five.

Kim: How (4)_____ is that?

Tú: That's 140,000 VND, (5)_____.

Kim: (6)_____ you are.

Tú: (7)_____ you. Enjoy the movie!

Lời giải chi tiết:

Kim: Can I have two (1) **tickets** for The Jungle Book, please?

Tú: Which (2) **screening** ?

Kim: The 8.15 screening.

Tú: Here you are … Two tickets in (3) **row** five.

Kim: How (4) **much** is that?

Tú: That's 140,000 VND, (5) **please**.

Kim: (6) **Here** you are.

Tú: (7) **Thank** you. Enjoy the movie!

(Kim: Tôi có thể mua 2 vé xem phim Cậu bé rừng xanh được không?

Tú: Bạn muốn mua vé xem lúc mấy giờ vậy?

Kim: Suất chiếu 8.15 nhé.

Tú: Của bạn đây …

Kim: Bao nhiêu tiền vậy?

Tú: Tổng là 140,000 VND.

Kim: Mình gửi nhé.

Tú: Cảm ơn bạn. Chúc bạn xem phim vui vẻ!)

Bài 4

4. In pairs, buy tickets for a film currently on at the nearest cinema. Use the Speaking box to help you.

(Làm việc theo cặp, mua vé xem phim ở rạp chiếu phim gần nhất. Sử dụng hộp Nói để giúp bạn.)

Lời giải chi tiết:

Linh: Can I have four tickets for Thor: Love and Thunder, please?

Cường: Which screening?

Linh: The 7.45 screening.

Cường: Here you are … Four tickets in row five.

Linh: How much is that?

Cường: That's 280,000 VND, please.

Linh: Here you are.

Cường: Thank you. Enjoy the movie!

(Linh: Tôi có thể mua 2 vé xem phim Thor: Tình yêu và sấm sét được không?

Cường: Bạn chọn giờ chiếu nào?

Linh: Khung giờ 7.45 tối

Cường: Vé của bạn đây … 4 vé ở hàng số 5.

Linh: Tổng hết bao nhiêu tiền vậy?

Cường: Tổng cộng là 280,000 VND..

Linh: Mình gửi tiền nhé.

Cường: Cảm ơn. Hãy thưởng thức bộ phim nhé!)